

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2024

Về việc “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thanh;

Ông Nguyễn Duy Chấn;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:** Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2024 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/11/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thanh B, sinh năm 1982 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 66/6 Nguyễn T, phường Tân Th, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Tăng Q, sinh năm 1980 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Sơn Th, xã Đắk G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thanh B trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Tăng Q, sinh năm 1980 đã thương yêu, tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông ngày 12/11/2007. Sau khi

kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau này giữa chúng tôi đã phát sinh mâu thuẫn, bất hòa lý do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, cãi nhau cứ uống rượu vào là đi đánh nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Nên tôi đề nghị, Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, tôi vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị tòa án xem xét giải quyết để tôi ly hôn với anh Nguyễn Tăng Q. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008. Khi giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi. Hiện cháu đang ở cùng với tôi và cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ là Trần Thanh B.

Về cấp dưỡng, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi; anh Q đã đồng ý cấp dưỡng cho cháu Kh là 5.000.000 đồng, nên tôi không có ý kiến gì thêm. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết (anh Q cũng không yêu cầu giải quyết) nên tôi cũng không có ý kiến gì thêm.

- *Bị đơn anh Nguyễn Tăng Q trình bày:* Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil. Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị B đã trình bày là đúng.

Theo yêu cầu của chị B thì tôi đồng ý ly hôn; về cấp dưỡng tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 là 5.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, vì lý do bận công việc nên tôi không thể có mặt tại Tòa án để tham gia làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, xét xử sơ thẩm (phúc thẩm nếu có). Do đó, tôi đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của tôi để giải quyết vắng mặt tôi tại tất cả các buổi làm việc, xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh B được ly hôn với anh Nguyễn Tăng Q.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 cho chị Trần Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tăng Q cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 là 5.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thanh B và anh Nguyễn Tăng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; bị đơn phải chịu 300.000 đồng về án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thanh B yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Tăng Q, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại thôn Sơn Th, xã Đắc G, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thanh B và anh Nguyễn Tăng Q vắng mặt tại phiên tòa (đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt). Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Chị Trần Thanh B và anh Nguyễn Tăng Q đã thương yêu, tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Gắn, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông ngày 12/11/2007.

[2.2]. Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị B cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, bất hòa lý do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, cãi nhau cứ uống rượu vào là đi đánh nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Vì vậy, chị B đề nghị Toà án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết để chị B và anh Q được ly hôn, do mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thanh B đối với anh Nguyễn Tăng Q.

[2.4]. Về nuôi con chung:

Xét thấy, nguyện vọng của cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 muốn ở cùng với mẹ là phù hợp. Xét điều kiện của chị B có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy cần giao cháu Kh cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp như nguyện vọng của chị B và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil là có căn cứ.

[2.5]. Về cấp dưỡng:

Chị B chỉ yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng và anh Q tự nguyện đồng ý, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Trần Thanh B và anh Nguyễn Tăng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; buộc bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh B.

**1.** Về hôn nhân: Chị Trần Thanh B được ly hôn với anh Nguyễn Tăng Q.

**2.** Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 cho chị Trần Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**3.** Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tăng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tăng Trọng Kh, sinh ngày 21/01/2008 mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

**4.** Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Trần Thanh B và anh Nguyễn Tăng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**5.** Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thanh B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc “*Ly hôn*”, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thanh B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005995 ngày 03/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Anh Nguyễn Tăng Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**6.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Găn, huyện Đắk Mil.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký và đóng dấu)***

**Trương Ngọc Thanh**